



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 16

Ngày 30 tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 466/NQ-HĐND về việc gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2025 đối với dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương đã bố trí vốn quá thời gian theo quy định tại Điều 57, Luật Đầu tư công năm 2024	4
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 467/NQ-HĐND về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 4)	7
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 468/NQ-HĐND về việc phân bổ kinh phí của tỉnh Đồng Nai hỗ trợ tỉnh Sơn La xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025	17
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 469/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	20
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 470/NQ-HĐND điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa	25
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 471/NQ-HĐND thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	27

21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 472/NQ-HĐND thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất	30
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 473/NQ-HĐND bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	34
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 474/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt 1) năm 2025	36
21/03/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 475/NQ-HĐND sửa đổi tiêu đề Phụ lục 15 và Phụ lục 17 ban hành kèm theo Nghị quyết số 445/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Sơn La	44

UBND TỈNH

14/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 573/QĐ-UBND về việc tổ chức lại và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Mộc Châu	46
14/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 574/QĐ-UBND về việc tổ chức lại và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La	51
19/03/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 609/QĐ-UBND về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử trực thuộc Sở Nội vụ	56
19/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 613/QĐ-UBND về việc thành lập Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Sơn La	59

20/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 622/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo trợ xã hội, trực thuộc Sở Y tế.	61
20/03/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 623/QĐ-UBND về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La, trực thuộc Sở Y tế.	65

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 466/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2025
đối với dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương đã bố trí vốn quá
thời gian theo quy định tại Điều 57, Luật Đầu tư công năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 161/BKHĐT-TH ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về gia hạn thời gian bố trí vốn cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 14 ngày 3 tháng 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 117/BC-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1059/BC-KTNS ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2025 đối với dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương đã bố trí vốn quá thời gian theo quy định tại Điều 57, Luật Đầu tư công năm 2024 (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 03 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**GIA HẠN THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN
SANG NĂM 2025 ĐỐI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG ĐÃ BỐ TRÍ VỐN QUÁ THỜI GIAN THEO QUY ĐỊNH
TẠI ĐIỀU 57 LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số 466/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao đến hết năm 2024	Lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Vốn còn thiếu cần bố trí năm 2025	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2024				
	Tổng số				153.100					23.937	
I	Nông, lâm nghiệp thủy lợi, thủy sản				153.100					23.937	
1	Dự án Bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Chi cục Kiểm lâm; BQL rừng ĐD-PH Thuận Châu; BQL rừng ĐD-PH Sốp Cộp; BQL rừng đặc dụng Xuân Nha; BQL rừng đặc dụng Tà Xùa; BQL KBTTN Mường La	B	1092 31/5/2021; 2566 29/11/2024	153.100	2021	04 năm	154.307	124.156	23.937	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 467/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch
đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 4)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 17 ngày 3 tháng 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1059/BC-KTNS ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 4). Cụ thể:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn thu xổ số kiến thiết tăng thu năm 2024 đã hạch toán chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2025: 904,937 triệu đồng.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

2.1. Tổng vốn điều chỉnh: 42.440 triệu đồng.

2.2. Phương án điều chỉnh

2.2.1. Điều chỉnh giảm 42.440 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh giảm 15.192 triệu đồng kế hoạch vốn thực hiện chuẩn bị đầu tư.

- Điều chỉnh giảm 15.130 triệu đồng kế hoạch vốn chưa phân bổ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp nông thôn do chưa có doanh nghiệp, HTX đủ điều kiện hỗ trợ.

- Điều chỉnh giảm 12.118 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án không có nhu cầu sử dụng hết kế hoạch vốn giao và 01 dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn;

2.2.2. Số vốn sau điều chỉnh giảm 42.440 triệu đồng được thực hiện:

- Phân bổ 16.000 triệu đồng cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

- Phân bổ 26.440 triệu đồng cho 02 dự án đang triển khai thực hiện có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn và khởi công mới 01 dự án theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 4)

3.1. Tổng vốn phân bổ: 56.070,937 triệu đồng, gồm:

3.1.1. Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025: 55.166 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh (thực hiện dự án): 41.653 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 10.300 triệu đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 3.213 triệu đồng.

3.1.2. Nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2024 đã hạch toán chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2025: 904,937 triệu đồng.

3.2. Phương án phân bổ

3.2.1. Đối với nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025: 55.166 triệu đồng.

- Phân bổ từ nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 41.653 triệu đồng thực hiện 05 dự án khởi công mới đủ điều kiện thủ tục đầu tư theo quy định.

- Phân bổ từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 3.213 triệu đồng thực hiện dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La.

- Phân bổ từ nguồn tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 10.300 triệu đồng thực hiện 07 dự án trong kế hoạch đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh.

3.2.2. Đối với nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2024 đã hạch toán chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2025: Phân bổ 904,934 triệu đồng cho dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La.

(chi tiết tại Biểu số 02, 03, 04, 05 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 467/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2025 đã giao				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến 10/3/2025		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số	TĐ; NST				Tổng số	Tỷ lệ					
	TỔNG SỐ			349.362	249.362	99.412	3.000	117.849	10.919	0	87.423	42.440	42.440	117.849	
I	Điều chỉnh giảm			163.412	163.412	38.412	2.000	65.049			45.542	42.440		22.609	
*	Chuẩn bị đầu tư							19.507				15.192		4.315	
*	Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn							15.130			15.130	15.130			
*	Thực hiện dự án			163.412	163.412	38.412	2.000	30.412			30.412	12.118		18.294	
1	Dự án Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc	UBND thành phố	2477 21/11/2024	135.000	135.000	10.000	2.000	10.000			10.000	8.000		2.000	
2	Dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	2407 14/11/2024; 556 13/3/2025	28.412	28.412	28.412		20.412			20.412	4.118		16.294	
II	Điều chỉnh tăng			185.950	85.950	61.000	1.000	52.800	10.919	0	41.881		42.440	95.240	
*	Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách												16.000	16.000	
1	Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Sơn La												10.000	10.000	
2	Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La												6.000	6.000	
*	Thực hiện dự án			185.950	85.950	61.000	1.000	52.800	10.919	0	41.881		26.440	79.240	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2025 đã giao				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: NST			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến 10/3/2025		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
									Tổng số	Tỷ lệ					
1	Dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (đoạn Km ² + 327 - Km7 + 527), thành phố Sơn La	UBND thành phố	286 NQ-HĐND ngày 31/01/2024; 2180 18/10/2024	130.000	30.000	30.000		22.800		22.800		8.000		30.800	
2	Dự án khắc phục ngập úng bán Phường Nghè, xã Chiềng Đen, Thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1883 11/9/2024; 2137 12/10/2024	41.000	41.000	31.000	1.000	30.000	10.919	19.081		10.000		40.000	
3	Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	582 15/3/2025	14.950	14.950							8.440		8.440	

Biểu số 02
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 467/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Tổng số		
			Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh					
	Tổng số			771.114	740.093		50.093	41.653	
I	Giao thông			700.000	700.000		10.000	10.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	UBND huyện Yên Châu, UBND huyện Bắc Yên	562 13/03/2025	700.000	700.000		10.000	10.000	
II	Y tế dân số và gia đình			7.500	4.000		4.000	4.000	
1	Trạm Y tế xã Chiềng Pắc	UBND huyện Thuận Châu	584 15/3/2025	7.500	4.000		4.000	4.000	
III	Bảo vệ môi trường			14.950	14.950		14.950	6.510	
1	Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	582 15/3/2025	14.950	14.950		14.950	6.510	
IV	Quốc phòng			6.143	6.143		6.143	6.143	
1	Dự án Xây mới 03 kho, công, nhà trực ban và các hạng mục phụ trợ/Kho K4 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	189 22/01/2025	6.143	6.143		6.143	6.143	
V	Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp			42.521	15.000		15.000	15.000	
1	Dự án trường THCS xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên	594 15/3/2025	42.521	15.000		15.000	15.000	

Đơn vị: Triệu đồng

Biểu số 03
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Nghị quyết số 467/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu xổ số kiến thiết		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/3/2025		
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh						
	Tổng số			28.412	28.412	24.294		12.118	8.000	3.213	
I	Y tế, dân số và gia đình			28.412	28.412	24.294		12.118	8.000	3.213	
1	Dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	2407 14/11/2024; 556 13/3/2025	28.412	28.412	24.294		12.118	8.000	3.213	

Biểu số 04
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 467/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư		Tổng số			Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/3/2025	Tổng số		
			Số, ngày, tháng, năm	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh							
	TỔNG SỐ			1.102.802	775.735	654.364	347.450	453.285	20.582	10.300	
I	Giao thông			745.000	417.933	336.747	322.679	245.651	9.680	6.700	
1	Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	2841 19/11/2021	500.000	172.933	336.747	322.679	172.933	9.680	3.500	
2	Dự án ĐT.107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)	UBND huyện Quỳnh Nhai	503 05/3/2025	245.000	245.000			72.718		3.200	
II	Công trình công cộng tại các đô thị			25.109	25.109	23.708	24.771	12.015	10.902	1.063	
1	Trồng cây và chăm sóc cây xanh Khu Trung tâm hành chính và Khu Quảng trường	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	2787 30/11/2017	25.109	25.109	23.708	24.771	12.015	10.902	1.063	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/3/2025		
III	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước			293.909	293.909	293.909		156.619		300	
1	Dự án Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh ủy	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	390 NQ-HĐND ngày 29/10/2024; 27 QĐ-BQLDA ngày 12/3/2025	293.909	293.909	293.909		156.619		300	
IV	Văn hóa, thông tin			34.784	34.784			35.000		1.837	
1	Dự án Sân thể thao các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	523 06/3/2025	13.784	13.784			14.000		737	
2	Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	522 06/3/2025	21.000	21.000			21.000		1.100	
V	Y tế, dân số và gia đình			4.000	4.000	-	-	4.000	-	400	
1	Trạm Y tế xã Co Mạ	UBND huyện Thuận Châu	521 06/3/2025	4.000	4.000			4.000		400	

Biểu số 05
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN TĂNG THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2024
ĐÁNH GIÁ TOÁN CHUYỂN VÀO THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 467/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu xổ số kiến thiết		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/3/2025		
				Tổng số	TP: Ngân sách tỉnh						
	Tổng số			28.412	28.412	24.294		12.118	8.000	904,937	
I	Y tế, dân số và gia đình			28.412	28.412	24.294		12.118	8.000	904,937	
1	Dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	2407 14/11/2024; 556 13/3/2025	28.412	28.412	24.294		12.118	8.000	904,937	

Đơn vị: Triệu đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 468/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kinh phí của tỉnh Đồng Nai hỗ trợ tỉnh Sơn La
xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 523/TB-VPCP ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo Trung ương triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 975/BC-VHXXH ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ của tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ các huyện, thành phố xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025, số tiền 56.000 triệu đồng (*Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ đồng chẵn*).

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguồn kinh phí: Thu khác ngân sách tỉnh năm 2025 (*Nguồn kinh phí hỗ trợ của UBND tỉnh Đồng Nai hỗ trợ tại Công văn số 1826/UBND-KTNS ngày 26 tháng 02 tháng 2025*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
VỀ VIỆC PHÂN BỐ KINH PHÍ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI HỖ TRỢ
TỈNH SƠN LA XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT CHO HỘ NGHÈO,
HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 468/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
	Tổng cộng	56.000	
1	Sốp Cộp	4.148	
2	Mai Sơn	12.147	
3	Mường La	12.797	
4	Thuận Châu	7.541	
5	Phù Yên	11.020	
6	Vân Hồ	3.068	
7	Bắc Yên	5.078	
8	Yên Châu	162	
9	Thành phố	39	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Nghị quyết kỳ họp thứ 08 Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mức hỗ trợ và cơ chế sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu Dự án 1, Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La; Báo cáo thẩm tra số 789/BC-DT ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch năm 2022, 2023, 2024

a) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 được kéo dài sang năm 2025:

- Điều chỉnh giảm 1.432,5 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 đã phân bổ cho UBND huyện Bắc Yên để thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở thuộc Dự án 1.

- Điều chỉnh tăng 1.432,5 triệu đồng phân bổ cho UBND huyện Bắc Yên thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4.

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023 được kéo dài sang năm 2025:

- Điều chỉnh giảm 820 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 đã phân bổ cho UBND huyện Bắc Yên để thực hiện Dự án 1.

- Điều chỉnh tăng 820 triệu đồng phân bổ cho UBND huyện Bắc Yên thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4.

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024 được kéo dài sang năm 2025:

- Điều chỉnh giảm 2.610 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 đã phân bổ cho huyện Bắc Yên để thực hiện Dự án 1.

- Điều chỉnh tăng 2.610 triệu đồng phân bổ cho UBND huyện Bắc Yên thực hiện Dự án 2 là 1.650 triệu đồng; Tiểu dự án 1, Dự án 4 là 960 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn giao năm 2025**2.1. UBND huyện Quỳnh Nhai**

- Điều chỉnh giảm 1.425 triệu đồng đã phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

- Điều chỉnh tăng 1.425 triệu đồng phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.2. UBND huyện Sốp Cộp

- Điều chỉnh giảm 2.844 triệu đồng đã giao thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư những nơi cần thiết.

- Điều chỉnh tăng 2.844 triệu đồng phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.3. UBND huyện Mai Sơn

- Điều chỉnh giảm 1.578 triệu đồng đã giao thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

- Điều chỉnh tăng 1.578 triệu đồng phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 29, thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022, 2023, 2024 KÉO DÀI SANG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 469/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh											Ghi chú		
		Tổng số vốn điều chỉnh		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Tiêu dự án 1. Đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)			
				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
	Tổng số	4.862,500	4.862,500	5.981,218	4.862,500	-	1.118,718	2.363,090	-	1.650,000	4.013,090	1.217,865	-	4.430,365	-
I	Năm 2022 kéo dài sang năm 2025	1.432,500	1.432,500	1.432,500	1.432,500	-	-	-	-	-	-	-	-	1.432,500	-
1	Huyện Bắc Yên	1.432,500	1.432,500	1.432,500	1.432,500		-				-		1.432,500	1.432,500	
II	Năm 2023 kéo dài sang năm 2025	820,000	820,000	820,000	820,000	-	-	-	-	-	-	-	-	820,000	
1	Huyện Bắc Yên	820,000	820,000	820,000	820,000		-				-		820,000	820,000	
III	Năm 2024 kéo dài sang năm 2025	2.610,000	2.610,000	3.728,718	2.610,000	-	1.118,718	2.363,090	-	1.650,000	4.013,090	1.217,865	-	2.177,865	
1	Huyện Bắc Yên	2.610,000	2.610,000	3.728,718	2.610,000		1.118,718	2.363,090		1.650,000	4.013,090	1.217,865	960,000	2.177,865	

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 469/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt										Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết										Kế hoạch điều chỉnh										Ghi chú
		Tổng số vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	5.847	5.847	6.094	1.578	-	4.516	8.094	2.844	-	5.250	24.522	-	5.847	30.369	1.499	1.425	-	74											
	Tổng số	1.425	1.425	1.425	1.425	-	-	-	-	1.443	-	1.425	2.868	1.499	1.425	-	74															
1	Huyện Quỳnh Nhai	2.844	2.844	2.844	2.844	8.094	2.844	-	5.250	5.712	2.844	-	8.556	18.945	1.578	-	74															
2	Huyện Sốp Cộp	1.578	1.578	1.578	1.578	6.094	1.578	-	4.516	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
3	Huyện Mai Sơn																															

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 470/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện dự án
đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 57/Tr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1059/BC-KTNS ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện đối với 01 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

(có 01 Biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH, THÔNG TIN KHÁC CỦA DỰ ÁN CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 470/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m2)				Điều chỉnh tên dự án	Điều chỉnh gian thực hiện dự án	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung,			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh, bổ sung	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMBSĐ đất	Tổng DT cho phép	Trong đó		Diện tích (m2)	Trong đó					Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)		
					Đất trồng lúa	Đất rừng PH		Đất rừng sản xuất	Đất rừng PH	Đất rừng sản xuất							
				Đất chuyển trồng lúa (Đất trồng lúa còn lại từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất chưa có rừng	Đất có rừng		Đất chuyển trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất chưa có rừng	Đất có rừng							
1	Trường PTDT nội trú Sông Mã	Xã Nà Nhieu	130 NQ-HĐND ngày 08/11/2022	25.412,9	25.412,9		24.017,9	24.017,9				Đến ngày 31/12/2025	1337 QĐ-UBND ngày 01/7/2022; 849 QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Chương trình MTQG	70.000	Ngày 10/5/2024, UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 849/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sông Mã. Theo đó, phạm vi thực hiện dự án có sự thay đổi, cần điều chỉnh về diện tích, loại đất thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện dự án	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 471/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án nhà nước
thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025; Báo cáo số
118/BC-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số
1059/BC-KTNS ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 03 công trình, dự án nhà nước thu hồi
đất để thực hiện năm 2025 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

1. Dự án xây dựng công trình giao thông phục vụ làm hành lang bảo vệ an
toàn công trình giao thông mà phải thu hồi đất để lưu không; các kết cấu khác phục
vụ giao thông vận tải (*Khoản 01 Điều 79 Luật Đất đai*): Gồm 01 dự án, diện tích
đất thu hồi 13.468 m².

2. Dự án tái định cư (*Khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai*): Gồm 01 dự án, diện
tích đất thu hồi 24.995 m².

3. Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ
hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở (*Khoản 27 Điều 79 Luật Đất
đai*): Gồm 01 dự án, diện tích đất thu hồi 1.123,9 m².

(có 01 Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO ĐIỀU 79 LUẬT ĐẤT ĐAI 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 471/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng sản xuất	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐĐ, đất rừng SX)	Phân theo Điều 79 Luật Đất đai	Nguồn vốn
				Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
	VĂN HỒ										
1	Dự án: Đầu tư xây dựng phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Xã Văn Hồ, huyện Văn Hồ	1.123,9						1.123,9	Khoản 27	Ngân sách Trung ương
2	Dự án Khắc phục cấp bách sạt lở do ảnh hưởng của cơn bão số 3 cho 30 hộ dân bản Tả Phù, xã Liên Hòa, huyện Văn Hồ	Xã Liên Hòa	13.468,0				13.468,0			Khoản 1	Nguồn dự phòng NSTW năm 2024 hỗ trợ
3	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 bản Lóng Khùa, xã Song Khùa huyện Văn Hồ	Xã Song Khùa	24.995,0				21.072,0		3.923,0	Khoản 21	Nguồn dự phòng NSTW năm 2024 hỗ trợ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 472/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất,
thời gian thực hiện của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua
danh mục dự án nhà nước thu hồi đất**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 ngày 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1059/BC-KTNS ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của 05 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất.

(có 01 Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, THỜI GIAN THỰC HIỆN CỦA DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 472/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)				Diện tích, loại đất điều chỉnh, bổ sung (m ²)				Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh, bổ sung				
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Trong đó			Diện tích thu hồi (m ²)	Trong đó			Điều thời gian thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Số tiền (Triệu đồng)					
				Đất trồng lúa	Đất có rừng	Đất rừng PH		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Đất chuyên trồng lúa còn lại	Đất có rừng					Đất chưa có rừng	Đất rừng SX	Đất rừng PH	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)
			Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất rừng PH	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất rừng PH	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)			
1	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Văn Hồ thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Khua, Mường Mên, Chiềng Yên	354 NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	120.611,2	16.000	3.000	47.000	54.611,2	121.684,6	16.000,0	34.552,2	1.100,0	21.786,8	48.245,60	299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	456.000	Điều chỉnh, bổ sung diện tích, tên dự án và căn cứ pháp lý dự án do điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
	MỘC CHÁU																	Phạm vi thực hiện dự án thay đổi do đất có thiết kế cơ sở: Gia hạn thời gian (Lý do gia hạn thời gian: Do Luật Đất đai, và các quy định về GPMB thay đổi dẫn tới các dự án chuyển tiếp phải thực hiện lại quy trình; chờ chỉnh sách cụ thể của UBND tỉnh và GPMB dẫn đến gián đoạn trong thực hiện dự án)
2	Hạ tầng đầu gối trục km 3/2	Phường Thảo Nguyên (trước là thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	24 NQ-HĐND ngày 10/8/2021	2.500				2.500	1.926					1.926	04/NQ-HĐND ngày 14/5/2021; 5068/UBND-VP ngày 03/11/2024	NS tỉnh, NS huyện	11177	

[illegible]

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Diện tích, loại đất điều chỉnh, bổ sung (m2)				Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung			Nguyên nhân, lý do điều chỉnh, bổ sung				
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Trong đó			Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó			Điều kiện giao thực hiện dự án						
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất rừng SX	Đất rừng PH			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RBD)					
					Đất chuyển trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất có rừng				Đất có rừng	Đất chưa có rừng							
5	Trường PTDT nội trú Sông Mã	Xã Nà Nhieu	130 NQ-HĐND ngày 08/11/2022	41.589	25.412,9				16.176,1	24.017,9				Đến ngày 31/12/2025	1337 QĐ-UBND ngày 01/7/2022; 849 /QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Chương trình MTQG	70.000	Ngày 10/5/2024, UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 849/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sông Mã. Theo đó, phạm vi thực hiện dự án có sự thay đổi, cần điều chỉnh về diện tích, loại đất thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện dự án. Do thời gian thực hiện thu hồi đất được HĐND tỉnh cho phép đã quá 02 năm, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 473/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 1059/BC-KTNS ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng) 34.558 m² để thực hiện năm 2025 đối với 02 dự án trên địa bàn huyện Vân Hồ.

(Có 01 biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 122 LUẬT ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Nghị quyết số 473/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m2)	Phân theo các loại đất (m2)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện	
		Địa điểm thực hiện		Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng Đặc dụng			Đất rừng sản xuất	
Tên dự án, công trình				Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất có rừng	Đất chưa có rừng
		VĂN HỒ										Nguồn vốn
1	Dự án khắc phục cấp bách sạt lở do ảnh hưởng của cơn bão số 3 cho 30 hộ dân bản Tà Phừu, xã Liên Hòa, huyện Văn Hồ	Xã Liên Hòa	13.468				13.468			DGT	182/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh Sơn La	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2024
2	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 bản Lóng Khùa, xã Song Khùa huyện Văn Hồ	Xã Song Khùa	21.072				21.072			ONT	182/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh Sơn La	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 474/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt 1) năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La; Báo cáo thẩm tra số 789/BC-DT ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt 1) năm 2025, cụ thể như sau:

1. Dự án thủy điện Háng Đồng B

a) Quy mô, diện tích: Tổng diện tích đề nghị là: 25,27 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Diện tích 25,27 ha thuộc 02 tiểu khu (383, 448), 06 khoảnh, 30 lô tác nghiệp thuộc địa phận các huyện Phù Yên, Bắc Yên, tỉnh Sơn La, cụ thể:

- Xã Háng Đồng, huyện Bắc Yên diện tích 14,27 ha thuộc tiểu khu 383, gồm 03 khoảnh, 20 lô tác nghiệp, trong đó: Khoảnh 1 gồm 11 lô tác nghiệp; khoảnh 7 gồm 03 lô tác nghiệp; khoảnh 11 gồm 06 lô tác nghiệp.

- Xã Suối Tọ, huyện Phù Yên diện tích 11 ha thuộc tiểu khu 448, gồm 03 khoảnh, 10 lô tác nghiệp, trong đó: Khoảnh 7 gồm 03 lô tác nghiệp; Khoảnh 8 gồm 06 lô tác nghiệp; khoảnh 12 gồm 01 lô tác nghiệp.

c) Chức năng: Tổng diện tích rừng chiếm dụng thực hiện dự án là 25,27 ha trong đó: Rừng phòng hộ: 0,17 ha; Rừng đặc dụng (*Phân khu phục hồi sinh thái*): 22,62 ha; Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 2,48 ha.

d) Loại rừng: Rừng tự nhiên 25,27 ha.

2. Dự án Đầu tư cứng hoá đường từ trung tâm xã Nậm Ét đến trung tâm xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

a) Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 1,49 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Tổng diện tích có rừng tự nhiên 1,49 ha thuộc 02 tiểu khu (200, 204), 03 khoảnh, 18 lô tác nghiệp, cụ thể:

- Xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai diện tích 0,14 ha, thuộc tiểu khu 200, khoảnh 8a, gồm 02 lô tác nghiệp.

- Xã Nậm Ét, huyện Quỳnh Nhai diện tích 1,35 ha, thuộc tiểu khu 204, khoảnh 5, gồm 04 lô tác nghiệp; khoảnh 6, 12 lô tác nghiệp.

c) Chức năng: Tổng diện tích rừng chiếm dụng thực hiện dự án là 1,49 ha trong đó: Quy hoạch phòng hộ 1,14 ha, rừng sản xuất 0,13 ha; rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp 0,22 ha.

d) Loại rừng: Rừng tự nhiên 1,49 ha.

3. Dự án Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (đoạn từ Km 19 + 000 - Km53 + 000 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình) đoạn tuyến từ Km 50 + 900 - Km 53 + 000 thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

a) Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: Tổng diện tích có rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là: 16,38 ha.

b) Địa điểm, vị trí: Tổng diện tích có rừng 16,38 ha thuộc 01 tiểu khu, 02 khoảnh, 37 lô tác nghiệp thuộc địa phận xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

c) Chức năng: Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương là 16,38 ha trong đó: Rừng sản xuất 14,14 ha (*rừng tự nhiên 2,09 ha; rừng trồng 12,05 ha*); Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp 2,24 ha.

d) Loại rừng: Tổng diện tích là 16,38 ha trong đó: Rừng trồng 14,29 ha, Rừng tự nhiên 2,09 ha.

(chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 29, thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, LOẠI RỪNG QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA ĐỢT 1 NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 474/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Xã	TK	Khoảnh	Lô	Địa danh	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Quy hoạch Lâm Nghiệp	Phân loại rừng theo nguồn gốc hình thành	Ghi chú
I	Tổng Cộng	5	11	85	-	43,14				
	Huyện Phù Yên	1	3	10		11,0				
	1 Xã Suối Tọ	1	3	10		11,0				
		448	7	2	B. Suối Tọ	0,58	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			7	4	B. Suối Tọ	0,17	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			7	6	B. Suối Tọ	0,45	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			8	2	B. Suối Tọ	4,19	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			8	4	B. Suối Tọ	0,05	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			8	8	B. Suối Tọ	4,47	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			8	11	B. Suối Tọ	0,17	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			8	15	B. Suối Tọ	0,2	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			8	18	B. Suối Tọ	0,55	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			12	1	B. Suối Tọ	0,17	TXP	MĐK	Rừng tự nhiên	PH
II	Huyện Bắc Yên	1	3	20		14,27				
1	Xã Hàng Đồng	1	3	20		14,27				
		383	1	3	Hàng Đồng C	0,12	TXP	MĐK	Rừng tự nhiên	MĐK
			1	4	Hàng Đồng C	0,09	TXP	MĐK	Rừng tự nhiên	MĐK
			1	6	Hàng Đồng C	0,02	TXP	MĐK	Rừng tự nhiên	MĐK

STT	Xã	TK	Khoảnh	Lô	Địa danh	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Quy hoạch Lâm Nghiệp	Phân loại rừng theo nguồn gốc hình thành	Ghi chú
			1	7	Háng Đồng	0,01	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			1	8	Háng Đồng	0,01	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			1	10	Háng Đồng	0,02	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			1	11	Háng Đồng	0,1	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			1	12	Háng Đồng	4,07	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			1	15	Háng Đồng	0,04	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			1	20	Háng Đồng C	1,37	TXP	MĐK	Rừng tự nhiên	MĐK
			1	25	Háng Đồng C	0,51	TXP	MĐK	Rừng tự nhiên	MĐK
			7	1	Háng Đồng	0,8	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			7	8	Háng Đồng C	0,37	HG	MĐK	Rừng tự nhiên	MĐK
			7	13	Háng Đồng	0,66	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			11	1	Háng Đồng	0,33	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			11	3	Háng Đồng	0,37	HG	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			11	4	Háng Đồng	0,75	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			11	7	Háng Đồng	1,85	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			11	11	Háng Đồng	1,76	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
			11	13	Háng Đồng	1,02	TXP	NQH	Rừng tự nhiên	ĐD
III	Huyện Quỳnh Nhai	2	3	18		1,49				
1	xã Nậm Ét	1	2	16		1,35				
		204	5	10	Pom Hán	0,04	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			5	11	Pom Hán	0,01	TXP	PH	Rừng tự nhiên	

STT	Xã	TK	Khoảnh	Lô	Địa danh	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Quy hoạch Lâm Nghiệp	Phân loại rừng theo nguồn gốc hình thành	Ghi chú
			5	19	Pom Hán	0,02	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			5	20	Pom Hán	0,06	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	2	Pom Hán	0,01	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	4	Pom Hán	0,01	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	8	Pom Hán	0,58	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	9	Pom Hán	0,07	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	10	Pom Hán	0,09	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	11	Pom Hán	0,04	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	12	Pom Hán	0,01	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	16	Pom Hán	0,04	TXP	MDK	Rừng tự nhiên	
			6	18	Pom Hán	0,2	TXP	PH	Rừng tự nhiên	
			6	20	Pom Hán	0,03	TXP	MDK	Rừng tự nhiên	
			6	23	Pom Hán	0,09	TXP	MDK	Rừng tự nhiên	
			6	24	Pom Hán	0,05	TXP	MDK	Rừng tự nhiên	
2	Mường Sại	1	1	2		0,14				
		200	8a	3	Co Sán	0,13	TXP	SX	Rừng tự nhiên	
			8a	5	Co Sán	0,01	TXP	MDK	Rừng tự nhiên	
IV	Huyện Vân Hồ	1	2	37		16,38				
1	Xã Chiềng Yên	1	2	37	Bản Pà Puộc	16,38				
		973	2	1	Bản Pà Puộc	2,57	TTN	RSX	Rừng trồng	
			2	2	Bản Pà Puộc	0,12	TTN	RSX	Rừng trồng	

STT	Xã	TK	Khoảnh	Lô	Địa danh	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Quy hoạch Lâm Nghiệp	Phân loại rừng theo nguồn gốc hình thành	Ghi chú
			2	6	Bản Pà Puộc	1,13	TTN	RSX	Rừng trồng	
			2	9	Bản Pà Puộc	0,03	TTN	RSX	Rừng trồng	
			2	10	Bản Pà Puộc	0,22	TTN	RSX	Rừng trồng	
			2	11	Bản Pà Puộc	0,76	TTN	RSX	Rừng trồng	
			2	15	Bản Pà Puộc	0,22	HG	RSX	Rừng tự nhiên	
			2	16	Bản Pà Puộc	0,55	HG	RSX	Rừng tự nhiên	
			2	17	Bản Pà Puộc	0,01	TTN	RSX	Rừng trồng	
			2	18	Bản Pà Puộc	1,16	TTN	RSX	Rừng trồng	
			2	19	Bản Pà Puộc	0,08	TG	RSX	Rừng trồng	
			2	20	Bản Pà Puộc	0,15	HG	RSX	Rừng tự nhiên	
			2	21	Bản Pà Puộc	0,13	HG	RSX	Rừng tự nhiên	
			3	1	Bản Pà Puộc	0,01	TTN	NQH	Rừng trồng	
			3	2	Bản Pà Puộc	0,98	TTN	NQH	Rừng trồng	
			3	3	Bản Pà Puộc	0,45	TTN	NQH	Rừng trồng	
			3	7	Bản Pà Puộc	1,17	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	8	Bản Pà Puộc	0,01	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	9	Bản Pà Puộc	0,01	TTN	NQH	Rừng trồng	
			3	12a	Bản Pà Puộc	0,05	TG	NQH	Rừng trồng	
			3	13	Bản Pà Puộc	0,08	TXB	RSX	Rừng tự nhiên	
			3	14	Bản Pà Puộc	0,14	TG	RSX	Rừng trồng	
			3	16	Bản Pà Puộc	0,77	HG	RSX	Rừng tự nhiên	

STT	Xã	TK	Khoảnh	Lô	Địa danh	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Quy hoạch Lâm Nghiệp	Phân loại rừng theo nguồn gốc hình thành	Ghi chú
			3	18	Bản Pà Puộc	0,19	TXB	RSX	Rừng tự nhiên	
			3	19	Bản Pà Puộc	1,02	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	20	Bản Pà Puộc	0,48	TTN	NQH	Rừng trồng	
			3	22b	Bản Pà Puộc	0,02	TTN	NQH	Rừng trồng	
			3	24	Bản Pà Puộc	0,33	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	25	Bản Pà Puộc	0,93	TG	RSX	Rừng trồng	
			3	27	Bản Pà Puộc	0,04	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	28	Bản Pà Puộc	0,1	TG	NQH	Rừng trồng	
			3	29	Bản Pà Puộc	2,09	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	30	Bản Pà Puộc	0,14	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	31	Bản Pà Puộc	0,05	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	32	Bản Pà Puộc	0,05	TTN	RSX	Rừng trồng	
			3	34	Bản Pà Puộc	0,09	TTN	NQH	Rừng trồng	
			3	35	Bản Pà Puộc	0,05	TG	NQH	Rừng trồng	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 475/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi tiêu đề Phụ lục số 15 và Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Nghị quyết số 445/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 29**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 17/2024/TT-BYT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế;

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 975/BC-VHXXH ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi tiêu đề Phụ lục số 15 và Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Nghị quyết số 445/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh quy

định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

- Phụ lục số 15: Giá dịch vụ tại Bệnh viện đa khoa huyện Vân Hồ.
- Phụ lục số 17: Giá dịch vụ tại Bệnh viện đa khoa Mộc Châu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 29 thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 573/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tổ chức lại và quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Mộc Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 1280/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 17/2024/TT-BYT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện; Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 44/TTr-SNV ngày 13 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu thuộc Sở Y tế thành Bệnh viện đa khoa Mộc Châu thuộc Sở Y tế, như sau:

1. Tên gọi: Bệnh viện đa khoa Mộc Châu.
2. Loại hình đơn vị sự nghiệp: Là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, trực thuộc Sở Y tế.
3. Hạng đơn vị sự nghiệp y tế: Bệnh viện đa khoa Mộc Châu tiếp tục được xếp hạng II cho đến khi thực hiện việc xếp lại hạng theo quy định.

Điều 2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Mộc Châu

1. Vị trí, chức năng
 - Bệnh viện đa khoa Mộc Châu (sau đây gọi tắt là Bệnh viện) là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế, có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.
 - Bệnh viện chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương; chịu sự quản lý nhà nước của UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật.
 - Bệnh viện có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn
 - a) Cấp cứu, khám bệnh và chữa bệnh
 - Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa

bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng.

- Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật.
- Khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định.
- Tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

b) Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

c) Đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức y tế theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế thôn, bản và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

d) Nghiên cứu khoa học về y học

Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

đ) Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật

Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã, phường, thị trấn, y tế thôn bản, cô đỡ thôn, bản và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn thị xã.

e) Phòng bệnh

- Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn thị xã.

- Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng để thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh.

f) Hợp tác quốc tế

Tham gia các chương trình hợp tác trong lĩnh vực y, được với các tổ chức hay cá nhân ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

g) Quản lý kinh tế y tế

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về thu, chi tài chính, thanh quyết toán đúng theo quy định của pháp luật; từng bước thực hiện hạch toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

- Tạo thêm nguồn thu từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, nguồn đầu tư của nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác.

h) Quản lý và thực hiện các chính sách, chế độ đối với viên chức của Bệnh viện theo các quy định hiện hành

i) Thực hiện quản lý trụ sở làm việc, tài sản, tài chính, kế toán, thống kê, báo cáo theo quy định.

k) Thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn khác do Sở Y tế hoặc UBND thị xã giao.

3. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo, quản lý: Gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

- Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Bệnh viện.

- Phó Giám đốc là người được Giám đốc phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Bệnh viện.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của UBND tỉnh Sơn La.

b) Các tổ chức trực thuộc

(1) Phòng Tổ chức - Hành chính;

(2) Phòng Tài chính Kế toán;

(3) Phòng Kế hoạch tổng hợp;

(4) Phòng Điều dưỡng;

(5) Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện;

(6) Khoa Truyền nhiễm;

(7) Khoa Ngoại tổng hợp;

(8) Khoa Phụ sản;

(9) Khoa Nhi;

- (10) Khoa Khám bệnh;
- (11) Khoa Nội tổng hợp;
- (12) Khoa Cấp cứu;
- (13) Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc;
- (14) Khoa Liên chuyên khoa;
- (15) Khoa Y học Cổ truyền;
- (16) Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng;
- (17) Khoa Xét nghiệm;
- (18) Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- (19) Khoa Thăm dò chức năng;
- (20) Khoa Dược - Vật tư thiết bị y tế;
- (21) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- (22) Khoa Chấn thương chỉnh hình;
- (23) Khoa Phẫu thuật - gây mê hồi sức;
- (24) Khoa Dinh dưỡng;
- (25) Khoa Lão khoa;
- (26) Khoa Da liễu.

Bệnh viện căn cứ các quy định của pháp luật xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm; số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý và quy định hiện hành.

c) Số lượng cấp phó các khoa, phòng chuyên môn và tương đương thuộc Bệnh viện thực hiện theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế; Tài chính; Giám đốc Bệnh viện đa khoa Mộc Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 574/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tổ chức lại và quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 17/2024/TT-BYT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện; Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện; Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 44/TTr-SNV ngày 13 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Bệnh viện Nội tiết trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong, như sau:

1. Đổi tên “Phòng Tổ chức hành chính” thành “Phòng Tổ chức hành chính - Tài vụ”.
2. Sáp nhập “Phòng Kế hoạch Tài chính” với “Phòng Chỉ đạo tuyến” và đổi tên thành “phòng Kế hoạch - Điều dưỡng - Chỉ đạo tuyến”.
3. Sáp nhập “Khoa Xét nghiệm” với “Khoa Chẩn đoán hình ảnh” và đổi tên thành “Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng”.
4. Đổi tên “Khoa Dinh dưỡng” thành “Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Dinh dưỡng”.
5. Đổi tên “Khoa Dược - Trang thiết bị, vật tư y tế” thành “Khoa Dược - Thiết bị y tế”.
6. Thành lập mới Khoa Liên chuyên khoa.
7. Thành lập mới Khoa Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu.

Điều 2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La

1. Vị trí, chức năng

a) Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế, có chức năng cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh và phục hồi chức năng về lĩnh vực chuyên ngành Nội tiết và các rối loạn chuyển hóa; đào tạo và tham gia đào tạo cán bộ y tế; nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật; hợp tác quốc tế và là cơ sở đào tạo và thực hành của các cơ sở đào tạo y, dược và các đơn vị có nhu cầu.

b) Bệnh viện chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp về tổ chức, hoạt động và các nguồn lực của Sở Y tế; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

c) Bệnh viện có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tiết và các bệnh rối loạn chuyển hóa theo các hình thức điều trị nội trú và ngoại trú; bao gồm:

- Tổ chức tiếp nhận, cấp cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú, ngoại trú bệnh nhân thuộc chuyên khoa của các bệnh không lây nhiễm phổ biến và các bệnh lý nội tiết;

- Khám sàng lọc, phát hiện sớm các bệnh về nội tiết và rối loạn chuyển hóa; khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc tại bệnh viện;

- Phục hồi chức năng và điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh mắc các bệnh về nội tiết và rối loạn chuyển hóa;

- Tham gia khám giám định sức khỏe và khám giám định pháp y khi Hội đồng giám định y khoa trung ương, tỉnh hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trung cầu.

b) Đào tạo nhân lực

- Bệnh viện Nội tiết tỉnh là cơ sở thực hành đào tạo cán bộ y tế chuyên khoa nội tiết bậc cao đẳng và đại học, đồng thời tham gia giảng dạy chuyên khoa nội tiết theo nhu cầu, yêu cầu phối hợp của các cơ sở đào tạo;

- Tổ chức đào tạo liên tục cho cán bộ, viên chức trong bệnh viện và tuyển dưới để nâng cao trình độ chuyên khoa Nội tiết. Tham gia đào tạo, đào tạo lại về chuyên môn, kỹ thuật theo kế hoạch của tỉnh và Trung ương;

- Tiếp nhận thực tập sinh đến học tập, nghiên cứu.

c) Nghiên cứu khoa học

- Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ khoa học thuộc lĩnh vực chuyên khoa ở cấp Bộ và cấp cơ sở, chú trọng nghiên cứu các đề tài về y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc;

- Tham gia với y tế cơ sở triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình chuyên khoa tại cộng đồng;

- Tổ chức, tham gia các hội nghị khoa học; tổ chức các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học trong nước và với nước ngoài.

d) Chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật

- Lập kế hoạch và chỉ đạo tuyến dưới về công tác dự phòng, phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nội tiết - chuyển hóa; chuyển giao và hỗ trợ các kỹ thuật chuyên môn chuyên ngành nội tiết;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng, chống bệnh Đái đường và các rối loạn do thiếu I-ốt tại cộng đồng.

e) Phòng bệnh

Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông trong phòng, chống bệnh nội tiết và các rối loạn chuyển hóa.

f) Hợp tác quốc tế

Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ở ngoài nước trong lĩnh vực Y tế theo đúng quy định của pháp luật.

g) Quản lý nguồn kinh phí, tài sản, trang thiết bị của bệnh viện theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Y tế giao và theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo, quản lý: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Bệnh viện.

- Phó Giám đốc là người được Giám đốc phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Bệnh viện.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của UBND tỉnh.

b) Các tổ chức trực thuộc

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La có 11 khoa, phòng, gồm:

(1) Phòng Tổ chức hành chính - Tài vụ;

(2) Phòng Kế hoạch - Điều dưỡng - Chỉ đạo tuyến.

(3) Khoa Khám bệnh;

(4) Khoa Nội tiết - Rối loạn chuyển hóa;

(5) Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh; Thăm dò chức năng;

(6) Khoa Dược - Thiết bị y tế;

(7) Khoa Đái tháo đường;

(8) Khoa Ngoại;

(9) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Dinh dưỡng;

(10) Khoa Liên chuyên khoa;

(11) Khoa Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu.

c) Về số lượng cấp phó các khoa, phòng thuộc Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Bệnh viện Nội tiết tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 609/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử trực thuộc Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp; Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 40/TTr-SNV ngày 12 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử, như sau:

1. Vị trí, chức năng

a) Trung tâm Lưu trữ lịch sử (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nội vụ, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở

Nội vụ quản lý tài liệu lưu trữ lịch sử của tỉnh; thực hiện các hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực lưu trữ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; có trụ sở làm việc và quản lý kho lưu trữ chuyên dụng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và công tác của Sở Nội vụ; đồng thời chấp hành sự kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước trực thuộc Bộ Nội vụ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Giúp Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành danh mục cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh; quyết định việc mang tài liệu ra khỏi Lưu trữ lịch sử tỉnh để sử dụng trong nước.

b) Thẩm định mục lục hồ sơ, tài liệu nộp lưu do cơ quan, tổ chức đề nghị giao nộp; trình Sở Nội vụ phê duyệt Danh mục tài liệu nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh;

c) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu chuẩn bị hồ sơ, tài liệu đến hạn nộp lưu giao nộp vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh theo quy định; tổ chức thực hiện kế hoạch sưu tầm, thu thập hồ sơ, tài liệu dài hạn, định kỳ hằng năm;

d) Trực tiếp quản lý tài liệu lưu trữ lịch sử của tỉnh theo quy định của pháp luật: sưu tầm, thu thập, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu, thống kê, bảo vệ, bảo quản, bảo hiểm tài liệu.

đ) Thực hiện số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý tài liệu; tổ chức giải mật tài liệu; công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ; tổ chức phục vụ khai thác sử dụng tài liệu; thực hiện cung cấp dịch vụ công và dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý viên chức, người lao động; tài chính, tài sản và cơ sở vật chất của Trung tâm theo quy định của pháp luật. Được ký hợp đồng lao động có thời hạn để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

g) Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác do UBND tỉnh, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Giám đốc Sở Nội vụ giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm.

3. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc và viên chức.

a) Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc Trung tâm phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Trung tâm.

4. Số lượng người làm việc

Số lượng người làm việc (biên chế viên chức) của Trung tâm được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế sự nghiệp của Sở Nội vụ được UBND tỉnh phân bổ hằng năm.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính; Tư pháp; Giám đốc Trung tâm Lưu trữ lịch sử; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 613/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Chi cục Quản lý thị trường
trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 62/TTr-SNV ngày 17 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Sơn La trên cơ sở tiếp nhận, tổ chức lại Cục Quản lý thị trường từ Bộ Công Thương.

Chi cục Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là Chi cục) là tổ chức trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Sơn La, có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hoá không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại khác theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Chi cục Quản lý thị trường chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Công Thương; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Cục quản lý và Phát triển thị trường trong nước thuộc Bộ Công Thương.

Chi cục Quản lý thị trường có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu, có tài khoản riêng và là đơn vị dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật; được mở các tài khoản giao dịch, tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước; được trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý thị trường theo quy định.

2. Cục Quản lý thị trường hoàn thiện các quy trình thủ tục trong quyết toán tài chính, tài sản và các vấn đề khác có liên quan; giao nộp, bàn giao con dấu cho cơ quan có thẩm quyền quản lý chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công Thương; Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 622/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo trợ xã hội, trực thuộc Sở Y tế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 57/TTr-SYT ngày 14 tháng 3 năm 2025; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 67/TTr-SNV ngày 18 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo trợ xã hội, như sau:

1. Vị trí và chức năng

a) Trung tâm Bảo trợ xã hội (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, có chức năng tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục hướng nghiệp, phục hồi chức năng cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý nhà nước của UBND tỉnh, Sở Y tế và sự quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại điều 24, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, gồm các đối tượng bảo trợ xã hội sau:

(1) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(2) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

(3) Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 17 của Luật Người cao tuổi:

- Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

- Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng.

(4) Người khuyết tật đặc biệt nặng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống, quy định tại Điều 45 của Luật Người khuyết tật.

(5) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp bao gồm:

- Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động;

- Trẻ em lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú;

- Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng này tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tối đa không quá 03 tháng. Trường hợp quá 3 tháng mà không thể đưa đối tượng trở về gia đình, cộng đồng thì báo cáo Sở Y tế xem xét, quyết định giải pháp phù hợp.

(6) Đối tượng tự nguyện gồm:

- Người cao tuổi thực hiện theo hợp đồng ủy nhiệm chăm sóc;

- Người không thuộc diện quy định tại các khoản a, b, c và d quy định tại Điều này, có nhu cầu vào sống tại cơ sở trợ giúp xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí.

b) Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội và cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cho người có nhu cầu theo quy định.

c) Từ chối yêu cầu cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng, nếu nhu cầu của đối tượng không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm, trừ trường hợp có quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

d) Được lựa chọn các biện pháp nghiệp vụ trợ giúp xã hội, để trợ giúp đối tượng theo quy định của pháp luật. Tổ chức áp dụng các mô hình quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm.

e) Được tổ chức vận động và tiếp nhận sự hỗ trợ tài chính, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các hoạt động của Trung tâm.

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội.

- Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc Trung tâm phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La.

b) Các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm, gồm:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- Phòng Quản lý chăm sóc;
- Phòng Y tế và nuôi dưỡng;
- Phòng Công tác xã hội.

c) Số lượng người làm việc

Số lượng người làm việc của Bệnh viện do UBND tỉnh giao trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động của Bệnh viện và nằm trong tổng chỉ tiêu số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt. Số lượng cấp phó các khoa, phòng chuyên môn và tương đương thực hiện theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Y tế, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Sơn La./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 623/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,
cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La, trực thuộc Sở Y tế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025; Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 17/2022/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh tâm thần của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 17/2024/TT-BYT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế; Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện; Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 57/TTr-SYT ngày 14 tháng 3 năm 2025; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 67/TTr-SNV ngày 18 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần với Bệnh viện Tâm thần.

1. Tên gọi: Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La.

2. Loại hình đơn vị sự nghiệp: Là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, trực thuộc Sở Y tế.

3. Hạng đơn vị sự nghiệp y tế: Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La được xếp hạng III cho đến khi thực hiện việc xếp lại hạng theo quy định.

Điều 2. Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bệnh viện Tâm thần

1. Vị trí, chức năng

a) Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế; có chức năng khám bệnh, chữa bệnh và nuôi dưỡng - phục hồi chức năng cho người bệnh tâm thần trên địa bàn tỉnh Sơn La; đào tạo, chỉ đạo tuyển về chuyên môn kỹ thuật và là cơ sở thực hành về chuyên ngành Tâm thần của các cơ sở đào tạo y, dược và các đơn vị có nhu cầu.

b) Bệnh viện có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Bệnh viện chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Sở Y tế; chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của Bộ Y tế và các bệnh viện chuyên khoa tuyến Trung ương.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh

- Trực tiếp khám, cấp cứu, điều trị và phục hồi chức năng tâm thần (nội trú và ngoại trú) cho người bệnh tâm thần trong tỉnh, các tỉnh lân cận và bệnh nhân của Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

- Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị cho bệnh nhân tâm thần mãn tính, bị bỏ rơi, lang thang, vô thừa nhận được xác định là đối tượng khuyết tật tâm thần, được hưởng chính sách bảo trợ theo quy định của Luật Khuyết tật và các đối tượng khác theo hình thức xã hội hoá;

- Tham gia khám và giám định sức khỏe tâm thần theo thẩm quyền được pháp luật quy định khi có trưng cầu của cơ quan pháp luật, của Hội đồng Giám định y khoa và các cơ quan chức năng khác;

- Tổ chức khám và điều trị bệnh nhân có rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện; Khám bệnh, chữa bệnh tâm thần trong các trường hợp thiên tai, thảm họa và dịch bệnh;

- Tiếp nhận cấp cứu, sơ cứu tai nạn chấn thương, các bệnh khác theo danh mục kỹ thuật và phạm vi chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt và chuyển bệnh nhân đến bệnh viện đa khoa, chuyên khoa phù hợp;

- Tổ chức hoặc tham gia khám và cấp giấy chứng nhận sức khỏe tâm thần cho các đối tượng làm thủ tục: Xét hưởng trợ cấp xã hội; người lập di chúc; ly hôn; kết hôn với người nước ngoài theo quy định của pháp luật;

- Chuyển người bệnh lên tuyến trên khi Bệnh viện không đủ khả năng giải quyết.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế

- Thực hiện việc đào tạo liên tục, bồi dưỡng kiến thức về tâm thần;

- Là cơ sở đào tạo thực hành về chuyên ngành tâm thần cho các cơ sở đào tạo về sức khỏe theo quy định;

- Tiếp nhận thực tập sinh, chuyên gia nước ngoài đến học tập, nghiên cứu theo quy định.

c) Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tâm thần để phục vụ công tác khám chữa bệnh, phòng bệnh, phục hồi chức năng tâm thần và đào tạo;

- Triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong công tác khám chữa bệnh, phòng bệnh và phục hồi chức năng tâm thần cho người bệnh tâm thần; chú trọng các phương pháp không dùng thuốc.

- Tham mưu cho cơ quan quản lý cấp trên về công tác nghiên cứu khoa học trong khám bệnh, chữa bệnh tâm thần;

- Tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học;

- Tổ chức các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị trong và ngoài nước theo quy định.

d) Chỉ đạo tuyến

- Chuyển giao kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe tâm thần;

- Hỗ trợ kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe tâm thần;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động chuyên môn về chăm sóc sức khỏe tâm thần.

e) Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng

- Tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người dân;

- Triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe tâm thần;
- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan để triển khai hoạt động phòng, chống các rối loạn tâm thần cộng đồng và nâng cao sức khỏe tâm thần, trong đó chú trọng chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường.

f) Hợp tác quốc tế

Tham gia các chương trình hợp tác trong hoạt động về chuyên môn, kỹ thuật chuyên ngành tâm thần với các cá nhân hoặc tổ chức ngoài nước theo quy định của pháp luật và của UBND tỉnh.

g) Quản lý kinh tế

- Có kế hoạch sử dụng các nguồn lực, kinh phí đạt hiệu quả; thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về thu chi ngân sách, thanh quyết toán kịp thời đúng quy định của pháp luật;

- Tạo nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Thu viện phí, Bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện xã hội hoá trong khám bệnh, chữa bệnh; chăm sóc - nuôi dưỡng người bệnh tâm thần.

h) Công tác dược: Thực hiện các quy định, quy chế dược bệnh viện, quản lý thuốc hướng thần theo quy định.

i) Quản lý và thực hiện các chính sách, chế độ đối với viên chức của Bệnh viện theo các quy định hiện hành.

k) Thực hiện quản lý trụ sở làm việc, tài sản; thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định.

l) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác khi được UBND tỉnh, Sở Y tế và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc

a) Lãnh đạo Trung tâm gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Giám đốc: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

- Phó Giám đốc: Là người giúp Giám đốc Trung tâm một số lĩnh vực, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm

b) Các tổ chức trực thuộc

- Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài vụ;
- Phòng Kế hoạch tổng hợp - Điều dưỡng;
- Khoa Khám bệnh;

- Khoa Tâm thần Nam;
- Khoa Tâm thần Nữ;
- Khoa Tâm căn;
- Khoa Dược - Cận lâm sàng;
- Khoa Dinh dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Khoa Nuôi dưỡng - Phục hồi chức năng.

c) Số lượng người làm việc

Số lượng người làm việc của Bệnh viện do UBND tỉnh giao trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động của Bệnh viện và nằm trong tổng chỉ tiêu số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt. Số lượng cấp phó các khoa, phòng chuyên môn và tương đương thực hiện theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện Tâm thần xây dựng thực hiện mức độ tự chủ tài chính trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần tỉnh; Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La hoàn thiện các quy trình thủ tục trong quyết toán tài chính và giải quyết tồn đọng của đơn vị; Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần tỉnh giao nộp, bàn giao con dấu cho cơ quan có thẩm quyền quản lý chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Y tế, Giám đốc Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và bãi bỏ các Quyết định, quy định trước trái với Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com